TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 19-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 62/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Công T2, sinh năm 1972; Có mặt

2.2. Bà Hà Thị T3, sinh năm 1966; Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị T1 trình bày:

- Vào ngày 23 tháng 11 năm 2020, bà có cho bà Hà Thị T3 mượn số tiền 500.000.000 đồng có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, đến nay bà T3 trả nhiều lần tiền gốc được 215.000.000 đồng và không trả lãi cho bà. còn nợ lại 285.000.0000 đồng, nay bà yêu cầu bà Hà Thị T3 và ông Dương Công T2 trả tiền mượn là 285.000.000 đồng còn nợ và tiền lãi tính từ khi làm biên nhận tới nay theo mức lãi suất theo định của pháp luật.

- Ngoài ra, bà còn tham gia chơi hụi do bà Hà Thị T3 làm chủ, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 18 tháng 4 năm 2020, bà vô chân hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui lần, gồm 22 người tham gia, đến ngày 18 tháng 3 năm 2022 mãn hụi, trong đó bà tham gia hai phần, bà chầu được 14 lần từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 18 tháng 5 năm 2021, thì số tiền là 140.000.000 đồng.

+ Vào ngày 23 tháng 8 năm 2020, bà vô chân hụi 3.000.000 đồng, nửa tháng khui lần, gồm 25 người tham gia, đến ngày 23 tháng 10 năm 2021 mãn hụi, trong đó tôi tham gia hai phần, bà chầu được 19 lần từ ngày 23 tháng 8 năm 2020 đến ngày 23 tháng 5 năm 2021, thì số tiền là 114.000.000 đồng.

+ Vào ngày 13 tháng 10 năm 2020, bà vô chân hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui lần, gồm 22 người tham gia, đến ngày 13 tháng 9 năm 2022 mãn hụi, trong đó bà tham gia hai phần, bà hốt phần không nhớ nhiêu tiền hốt bà chầu được 16 lần 80.000.000 đồng, trong dây hụi này còn một phần sống, bà chầu được 08 lần thì số tiền là 40.000.000 đồng, như vậy tôi trừ phần hốt còn nợ 80.000.000 đồng trừ phần hụi sống tôi hốt được 40.000.000 đồng, vậy bà còn nợ lại chị T3 40.000.000 đồng.

+ Vào ngày 10 tháng 01 năm 2021, bà vô chân hụi 3.000.000 đồng, nửa tháng khui lần, gồm 24 người tham gia, đến ngày 10 tháng 3 năm 2022 mãn hụi, trong đó bà tham gia hai phần, bà chầu được 10 lần từ ngày 10 tháng 01 năm 2021 đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, thì số tiền là 60.000.000 đồng.

- Vào ngày 20 tháng 01 năm 2021, bà vô chân hụi 3.000.000 đồng, một tháng khui lần, gồm 22 người tham gia, đến ngày 20 tháng 02 năm 2022 mãn hụi, trong đó bà tham gia hai phần, bà hốt một phần không nhớ nhiêu tiền, sau khi hốt bà còn nợ

lại 18 lần hụi chết là 54.000.000 đồng, còn một phần sống bà chầu được 10 lần số tiền là 30.000.000 đồng, vậy tôi còn nợ lại T3 24.000.000 đồng.

- Vào ngày 24 tháng 01 năm 2021, bà vô chân hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui lần, gồm 22 người tham gia, đến ngày 24 tháng 12 năm 2022 mãn hụi, trong đó bà tham gia hai phần, bà chầu được 05 lần từ ngày 24 tháng 01 năm 2021 đến ngày 24 tháng 5 năm 2021, thì số tiền là 50.000.000 đồng.

Nhưng sau đó, bà T3 không tiếp tục khui hụi nữa, nên tổng cộng bà T3 còn nợ lại bà tiền hụi là 300.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị Hà Thị T3 và anh Dương Công T2 trả tiền mượn còn nợ gốc 285.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do Nhà nước quy định tính từ khi làm biên nhận tới ngày xét xử, tiền hụi là 300.000.000 đồng, đối với tiền hụi thị bà không yêu cầu trả lãi.

* ***Bị đơn ông Dương Công T2 trình bày:*** Vợ ông nói có mượn bà Ngô Thị T1 500.000.000 đồng có trả được 200.000.000 đồng còn nợ lại 300.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm trả cũng không có làm giấy tờ gì. Sau mùa dịch năm 2021 trả thêm 15.000.000 đồng còn nợ lại 285.000.000 đồng, mượn làm biên nhận, nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng tôi không có tiền xin trả dần. Vợ ông nói có vô hụi của chị Ngô Thị T1, vợ ông đi khám bệnh chị T1 có điện cho vợ nói chuyện tính tổng cộng còn nợ tiến hụi 300.000.000 đồng, nói vậy thì vợ tôi nói khi nào chị hết bệnh về tính chính xác bao nhiêu thì vợ chồng tôi cũng đồng ý trả bấy nhiêu, vô hụi có giấy hụi, nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng tôi không có tiền xin trả dần.

* Đối với bị đơn bà Hà Thị T3, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bà không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T1; buộc các bị đơn ông Dương Công T2 và bà Hà Thị T3 trả cho bà Ngô Thị T1 số tiền hụi là 300.000.000 đồng, tiền vay còn nợ là 285.000.000 đồng và lãi suất của tiền vay theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên,

Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hụi được quy định tại các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị T3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Hà Thị T3.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T1 yêu cầu bà Hà Thị T3 và ông Dương Công T2 trả tiền vay và hụi còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn ông Dương Công T2 và bà Hà Thị T3 còn nợ bà Ngô Thị T1 số tiền vay 285.000.000 đồng và tiền hụi là 300.000.000 đồng là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua lời trình bày của bị đơn ông T2 đã thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà T1 số tiền nêu trên, ngoài ra còn được chứng minh bởi biên nhận nợ của bà T1 và danh sách hụi, vì vậy việc khởi kiện của bà T1 là có căn cứ chấp nhận. Đối với việc ông T2 chỉ đồng ý trả cho bà T1 số tiền gốc và không đồng ý trả lãi nhưng xin trả dần, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thanh toán số nợ là nghĩa vụ bắt buộc của ông T2 và bà T1 theo Điều 466 Bộ luật Dân sự; mặt khác, giữa bà T1 với ông T2 và bà T3 không có sự thỏa thuận về phương thức thanh toán đối với số nợ này, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T2.

[4] Về yêu cầu tiền lãi, bà Ngô Thị T1 yêu cầu tính tiền lãi ngày 23 tháng 11 năm 2020 (ngày làm biên nhận) đến ngày Tòa án xét xử xong với lãi suất theo quy định của Nhà nước: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình bà Hà Thị T3 vay số tiền 500.000.000 đồng của bà Ngô Thị T1 thì bà T1 chỉ có trả được vốn gốc tổng công là 215.000.000 đồng, điều này cũng được ông Dương Công T2 thừa nhận, nên việc bà T1 yêu cầu tính lãi từ ngày làm biên nhận nợ ngày 23 tháng 11 năm 2020 là có căn cứ theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự: *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả."*. Do giữa các đương sự không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên việc tính lãi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với lãi suất là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng, vì vậy yêu cầu của bà T1 về mức lãi suất là đảm bảo theo quy định. Căn cứ quy định trên, khoản tiền ông T2 và bà

T3 chậm trả 285.000.000 đồng, tính lãi từ ngày từ ngày 23 tháng 11 năm 2020 đến ngày 19 tháng 9 năm 2022 (ngày xét xử) là 22 tháng 05 ngày với số tiền lãi làm tròn là 51.924.000 đồng.

[5] Giữa ông T2 và bà T3 vẫn duy trì mối quan hệ vợ chồng hợp pháp và đây là phần nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, theo khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.", như vậy giữa vợ chồng phải có trách nhiệm đối với nhau. Cho nên ông T2 phải có trách nhiệm liên đới với bà T3 trong các giao dịch được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T1, buộc ông T2 và bà phải trả số tiền hụi là 300.000.000 đồng, tiền vay gốc là 285.000.000 đồng và tiền lãi của tiền vay là là 51.924.000 đồng, tổng cộng 636.924.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông Dương Công T2 và bà Hà Thị T3 chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 636.924.000 đồng là 29.476.000 đồng; bà Ngô Thị T1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 19, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 11, 15, 16, 18, 19 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về Họ, hụi, bêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T1. Buộc ông Dương Công T2 và bà Hà Thị T3 liên đới trả cho bà Ngô Thị T1 số tiền còn nợ là 636.924.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Ông Dương Công T2 và bà Hà Thị T3 liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.476.000 đồng.

2.2. Bà Ngô Thị T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.850.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003983 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngô Thị T1 và bị đơn ông Dương Công T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hà Thị T3 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng